

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2024
Yêu cầu không công nhận là vợ chồng
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 384/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-HGND ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy H, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy H trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2006, anh và chị Nguyễn Thị N tự quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đó anh chị về sinh sống tại tổ A, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016, thì giữa anh và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tiếng nói chung, nên chị N đã bỏ nhà, bỏ con, ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống này được nữa, anh muốn giải thoát cuộc hôn nhân này để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn, nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh với chị N là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống giữa anh và chị N có hai người con chung tên Nguyễn Duy N1, sinh ngày 14/02/2007 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 13/8/2008. Hiện nay các con đang sinh sống với anh. Nên khi không sống chung được với nhau nữa, thì anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Anh H xác định quá trình chung sống giữa anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị N đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Duy H yêu cầu không công nhận giữa anh với chị Nguyễn Thị N là vợ chồng và nuôi con. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại tổ A, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Duy H cho rằng giữa anh và chị Nguyễn Thị N tự quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận ngày 28/8/2024 của Ban lãnh đạo ấp T và Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, xác định anh Nguyễn Duy H và chị Nguyễn Thị N chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, có thể khẳng định anh H trình bày anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng sự thật.

Sau thời gian chung sống với nhau, anh H cho rằng giữa anh và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tiếng nói chung, nên chị N đã bỏ nhà, bỏ con, ly thân với anh từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, thời điểm anh H và chị N thiết lập quan hệ hôn nhân, thì anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị N đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX thống nhất tuyên bố không công nhận giữa anh Nguyễn Duy H với chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống giữa anh H và chị N có hai người con chung tên Nguyễn Duy N1, sinh ngày 14/02/2007 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 13/8/2008. Hiện nay các con đang sinh sống với anh H. Nên khi không sống chung được với nhau nữa, thì anh H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành, anh H không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, từ khi anh H và chị N sống ly thân với nhau cho đến nay, thì anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu và hiện các cháu vẫn phát triển bình thường. Bên cạnh đó, cháu N1 và cháu A đều có văn bản thể hiện nguyện vọng nếu cha mẹ không sống chung được với nhau, thì nguyện vọng của các cháu được sống với cha. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp các cháu phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu đến trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh H xác định giữa anh và chị N không tài sản chung và nợ chung, nên anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Nguyễn Duy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Duy H với chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu tên Nguyễn Duy N1, sinh ngày 14/02/2007 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 13/8/2008 cho anh Nguyễn Duy H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh Nguyễn Duy H nuôi con; chị Nguyễn Thị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Duy H xác định giữa anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Duy H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009604 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Duy H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSV.A./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy